

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I- NĂM HỌC 2024- 2025**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
1	Bản đồ- Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất.	- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí. - Kí hiệu bản đồ	2 câu			5,0
2	Trái Đất- Hành tinh của hệ Mặt Trời.	- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. - Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.	1 câu 1 câu			5,0
3	Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất.	- Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi. - Núi lửa và động đất. - Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản.	1 câu	1 câu	1 câu (a,b)	32,5
4	Khí hậu và biến đổi khí hậu.	- Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió.	3 câu			7,5
Tỉ lệ %			20	15	15	50

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I- NĂM HỌC 2024- 2025

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T T	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu theo mức độ nhận thức		
				NB	TH	VD
1	Bản đồ- Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. - Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. - Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. - Biết tìm đường đi trên bản đồ. - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. 	*		
2	Trái Đất- Hành tinh của hệ Mặt Trời.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. 	*	*	
3	Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo của Trái Đất - Các mảng kiến tạo - Hiện tượng động đất, núi lửa và 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa - Kể được tên một số loại khoáng sản. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân của hiện tượng động đất và núi lửa. - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: 	*		

		<p>sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này</p> <ul style="list-style-type: none"> – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính – Khoáng sản 	<p>Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng. – Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm kiếm được thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. 		*		*	*
4	Khí hậu và biến đổi khí hậu.	<ul style="list-style-type: none"> – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí – Các khối khí. Khí áp và gió – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống. – Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió. – Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. – Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. 		*	*	*	
Số câu/ loại câu				8 TN	1 TL	1 TL		
Tỉ lệ %				20,0	15,0	15,0		

UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT Họ và tên: Lớp:	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 6 (Phân môn Địa lí) Thời gian làm bài: 30 phút NĂM HỌC: 2024 -2025
---	--

ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Em hãy chọn đáp án A hoặc B;C;D của ý đúng rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

CÂU 1. Từ xích đạo đến cực Bắc là

- A. bán cầu Bắc. B. bán cầu Nam. C. bán cầu Đông. D. bán cầu Tây.

CÂU 2. Kí hiệu bản đồ nào dưới đây là kí hiệu diện tích?

- A. Con sông. B. Biên giới quốc gia. C. Vùng trồng lúa. D. Thành phố.

CÂU 3. Trái Đất có bán kính xích đạo là

- A. 5.378 km. B. 6.378 km. C. 7.378 km. D. 8.378 km.

CÂU 4. Thời gian Trái Đất chuyển động quanh trục một vòng là

- A. 21 giờ. B. 22 giờ. C. 23 giờ. D. 24 giờ.

CÂU 5. Những khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm kim loại?

- A. Than đá, sắt. B. Đồng, nhôm. C. Đá vôi, thạch anh. D. Dầu mỏ, crôm.

CÂU 6. Tầng đối lưu có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Không khí chuyển động theo phương nằm ngang.
 B. Nhiệt độ tăng theo độ cao.
 C. Có lớp ô-dôn bảo vệ Trái Đất.
 D. Không khí chuyển động theo phương thẳng đứng.

CÂU 7. Hình thành ở vùng vĩ độ thấp, nhiệt độ tương đối cao là

- A. khối khí nóng. B. khối khí lạnh. C. khối khí đại dương. D. khối khí lục địa.

CÂU 8. Thổi thường xuyên từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo là

- A. gió Tây ôn đới. B. gió Đông cực. C. gió Tín phong. D. gió mùa.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU 1. (1,5đ) Em hãy phân biệt sự khác nhau của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh?

CÂU 2. (1,5đ)

a. (1đ) So sánh sự giống nhau và khác nhau về độ cao, đặc điểm hình thái của dạng địa hình núi với dạng địa hình cao nguyên?

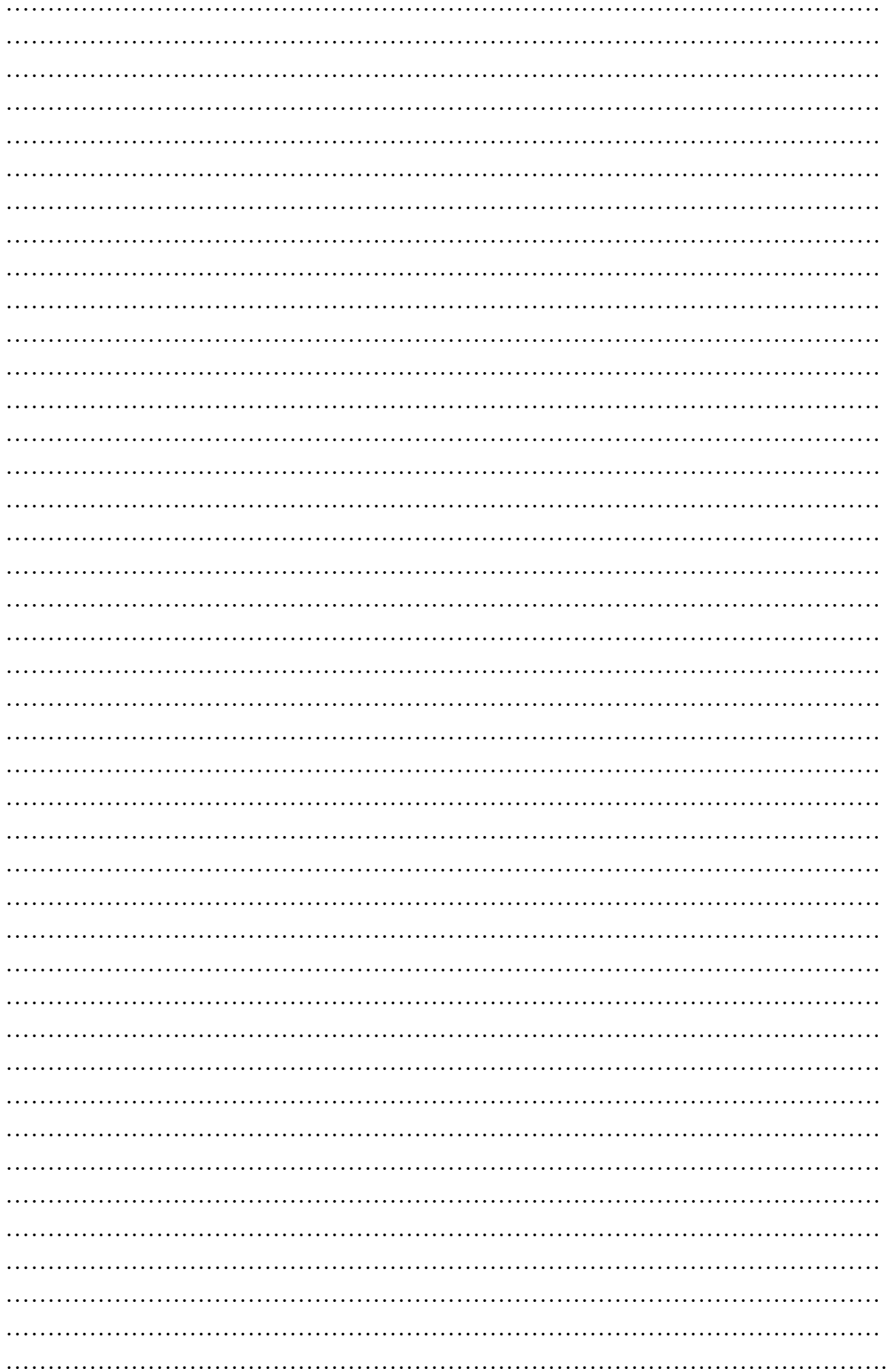
b. (0,5đ) Em hãy cho biết thông tin về một trận động đất hoặc núi lửa đã xảy ra trên thế giới: năm xảy ra, nơi xảy ra, thiệt hại. (nguồn internet)

BÀI LÀM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
PHƯƠNG ÁN								

II. PHẦN TỰ LUẬN



UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT Họ và tên: Lớp:	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 6 (Phân môn Địa lí) Thời gian làm bài: 30 phút NĂM HỌC: 2024 -2025
---	--

ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Em hãy chọn đáp án A hoặc B;C;D của ý đúng rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

CÂU 1. Từ xích đạo đến cực Nam là

- A. bán cầu Bắc. B. bán cầu Nam. C. bán cầu Đông. D. bán cầu Tây.

CÂU 2. Kí hiệu bản đồ nào dưới đây là kí hiệu điểm?

- A. Con sông. B. Biên giới quốc gia. C. Vùng trồng lúa. D. Thành phố.

CÂU 3. Trái Đất có diện tích bề mặt là

- A. 410 triệu km². B. 510 triệu km². C. 610 triệu km². D. 710 triệu km².

CÂU 4. Thời gian Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời một vòng là

- A. 360 ngày. B. 365 ngày. C. 365 ngày 6 giờ. D. 368 ngày.

CÂU 5. Những khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm phi kim loại?

- A. Muối mỏ, thạch anh. B. Đồng, nhôm. C. Đá vôi, than đá. D. Dầu mỏ, crôm.

CÂU 6. Tầng bình lưu có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Không khí chuyển động theo phương thẳng đứng.
 B. Nhiệt độ tăng theo độ cao.
 C. Là nơi sinh ra các hiện tượng thời tiết.
 D. Nhiệt độ giảm theo độ cao.

CÂU 7. Hình thành ở vùng vĩ độ cao, nhiệt độ tương đối thấp là

- A. khối khí nóng. B. khối khí lạnh. C. khối khí đại dương. D. khối khí lục địa.

CÂU 8. Thổi thường xuyên từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp ôn đới là

- A. gió Tây ôn đới. B. gió Đông cực. C. gió Tín phong. D. gió mùa.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU 1. (1,5đ) Em hãy phân biệt sự khác nhau của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh?

CÂU 2.

a. (1đ) So sánh sự giống nhau và khác nhau về độ cao, đặc điểm hình thái của dạng địa hình núi với dạng địa hình cao nguyên?

b. (0,5đ) Em hãy cho biết thông tin về một trận động đất hoặc núi lửa đã xảy ra trên thế giới: năm xảy ra, nơi xảy ra, thiệt hại. (nguồn internet)

BÀI LÀM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
PHƯƠNG ÁN								

II. PHẦN TỰ LUẬN



ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ I- NĂM HỌC 2024- 2025

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 2 điểm- Đúng 1 câu được 0,25 điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐỀ A	A	C	B	D	B	D	A	C
ĐỀ B	B	D	B	C	A	B	B	A

B. PHẦN TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Phân biệt sự khác nhau của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh	1,5
	- Nội sinh là quá trình xảy ra trong lòng đất, làm di chuyển các mảng kiến tạo, nén ép các lớp đất đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy, hoặc đẩy vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất tạo thành núi lửa, động đất, ...	0,75
	- Ngoại sinh là quá trình xảy ra bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất, có xu hướng phá vỡ, san bằng địa hình do nội sinh tạo nên đồng thời tạo ra các dạng địa hình mới.	0,75
2.a	So sánh địa hình núi với cao nguyên	1,0
	+ Giống nhau:	
	- Độ cao so với mực nước biển trên 500m	0,25
	- Sườn dốc.	0,25
+ Khác nhau:		
- Núi có đỉnh nhọn	0,25	
- Cao nguyên có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng.	0,25	
2.b	Thông tin một trận động đất hoặc núi lửa đã xảy ra trên thế giới: HS nêu được các thông tin về năm xảy ra, nơi xảy ra, thiệt hại (ngắn gọn)	0,5

<p style="text-align: center;">UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIẾT</p> <p>Họ và tên:</p> <p>Lớp:</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: LỊCH SỬ- ĐỊA LÝ 6 (Phân môn Địa lí) Thời gian làm bài: 30 phút NĂM HỌC: 2024 -2025</p>
---	--

(Đề dành cho HSKT)

Em hãy khoanh tròn vào một đáp án A hoặc B của ý đúng.

CÂU 1. Từ xích đạo đến cực Bắc là

- A. bán cầu Bắc. B. bán cầu Nam.

CÂU 2. Nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa Cầu là

- A. vĩ tuyến. B. kinh tuyến.

CÂU 3. Trái Đất ở vị trí thứ mấy trong hệ Mặt Trời?

- A. 3. B. 4

CÂU 4. Thời gian Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục một vòng là

- A. 24 giờ. B. 25 giờ.

CÂU 5. Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời là

- A. 365 ngày. B. 365 ngày 6 giờ

CÂU 6. Trái Đất được cấu tạo bởi

- A. 2 lớp. B. 3 lớp.

CÂU 7. Dạng địa hình nhô cao rõ rệt, độ cao so với mực nước biển từ 500m trở lên, đỉnh nhọn, sườn dốc là

- A. núi. B. đồng bằng.

CÂU 8. Sắt, man-gan thuộc nhóm khoáng sản

- A. năng lượng. B. kim loại.

CÂU 9. Trong thành phần không khí gần mặt đất, khí oxy chiếm tỉ lệ

- A. 18%. B. 21%.

CÂU 10. Tầng nào của khí quyển là nơi sinh ra các hiện tượng thời tiết như mây, mưa, sấm sét?

- A. Tầng đối lưu. B. Tầng bình lưu.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ; PHÂN MÔN ĐỊA LÍ.

(Đề dành cho HSKT)

Đúng một câu được 0,5 điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ.A	A	B	A	A	B	B	A	B	B	A